TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 268/2018/HN-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Xuyên**

2. Ông **Nguyễn Văn Trí**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị C** - Sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 57, tổ 02, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh T –** Sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ph, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn Trần Thị C trình bày, bà và ông Nguyễn Thanh T sống chung vào năm 2005 có đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Bà C xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tuyết M – Sinh ngày 16/11/2007, Nguyễn Trần Minh T – Sinh ngày 28/10/2014 hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C xác định không có.

Về nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà C, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Trần Thị C khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Trần Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị C là có căn cứ.

Ông Nguyễn Thanh T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa, nhưng ông Tùng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Thanh T sống chung vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà C yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà C và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, ông T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà C, nhưng ông không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của ông T đối với bà C đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc bà C xin ly hôn ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà C xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tuyết M – Sinh ngày 16/11/2007, Nguyễn Trần Minh T – Sinh ngày

28/10/2014, hiện đang sống với bà C. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu M và cháu T sống chung với bà C, nên tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng và để cho cháu M, T ổn định cuộc sống sau khi cha mẹ ly hôn, nên để bà C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu M. Do đó, yêu cầu của bà C có cơ sở chấp nhận.

Do bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Không có.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Trần Thị C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Thị C** xin ly hôn ông **Nguyễn Thanh T**.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị C được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Tuyết M – Sinh ngày 16/11/2007, Nguyễn Trần Minh T – Sinh ngày 28/10/2014, hiện đang sống với bà C. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T không trực tiếp nuôi con, nhưng ông có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận bà C xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà C và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai số 0019948 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Tà Đảnh, Tri tôn, AG;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức